

Số: 01 /KH-SKHCN

Hưng Yên, ngày 25 tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH
Công tác Cải cách hành chính của
Sở Khoa học và Công nghệ 6 tháng cuối năm 2025

Căn cứ Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 21/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên 6 tháng cuối năm 2025.

Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) ban hành Kế hoạch cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2025 (CCHC) triển khai tại Sở với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai công tác cải cách hành chính một cách kịp thời, thông suốt và hiệu quả, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 và đáp ứng mục tiêu, tiến độ cải cách được Chính phủ đề ra tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2025 ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch của UBND tỉnh: Số 18/KH-UBND ngày 21/7/2025 về CCHC nhà nước tỉnh Hưng Yên 6 tháng cuối năm 2025.

2. Yêu cầu

a) Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở; công chức, viên chức, người lao động của Sở cần nhận thức đầy đủ, xác định công tác CCHC, xác định Bộ chỉ số CCHC nhà nước là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, thường xuyên trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị mình để triển khai thực hiện. Các nội dung CCHC phải được triển khai đồng bộ; xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng đề ra.

b) Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu của cơ quan, đơn vị và phòng chuyên môn trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC, đảm bảo nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, đạo đức công vụ, văn hóa công sở.

c) Kế thừa, phát huy những kinh nghiệm, ưu điểm, kết quả đạt được trong thực hiện CCHC của cơ quan, đơn vị giai đoạn vừa qua; chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để CCHC là khâu đột phá trong quản lý hành chính nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu kết quả chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số Đo lường sự hài lòng của tổ chức, người dân (SIPAS), Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin (ICT INDEX), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành, huyện (DDCI), chỉ số Chuyển đổi số (DTI)... được giữ vững và tăng bậc so với năm 2024 và nằm trong nhóm Sở, ban, ngành dẫn đầu của tỉnh về Bộ chỉ số CCHC nhà nước.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Cải cách thể chế

a) 100% các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ (QPPL) do Sở tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương.

b) 100% các văn bản QPPL về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

c) Thường xuyên rà soát, cập nhật văn bản QPPL theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên. Phấn đấu 100% văn bản QPPL do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành được rà soát và cập nhật vào cơ sở dữ liệu về pháp luật. Chủ động tham mưu trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành văn bản bãi bỏ, sửa đổi, thay thế đảm bảo tính kịp thời, hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a. 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng, trước hạn, trong đó, tăng dần tỷ lệ hồ sơ được trả trước hạn.

b. Phấn đấu đạt 100% hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định đối với các TTHC bắt buộc phải số hóa và quy định trả kết quả bản giấy cho người dân, doanh nghiệp.

c. Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về giải quyết TTHC của Sở đạt từ 90% trở lên.

d. 100% TTHC được công bố, công khai và cập nhật kịp thời trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và đồng bộ, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn quy định.

e. 100% TTHC có đủ điều kiện được thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình hoặc một phần và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích.

g. 100% hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện bằng hình thức trực tuyến. Đảm bảo có ít nhất 80% hồ sơ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến.

h. 100% phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với công tác giải quyết hồ sơ TTHC được tiếp nhận, xử lý dứt điểm. Đối với hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn được thực hiện xin lỗi tổ chức, người dân bằng văn bản theo quy định.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a. Quản lý, sử dụng có hiệu quả biên chế, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm. Tham mưu xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện sắp xếp, giảm số lượng phòng chuyên môn theo lộ trình và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn liên quan.

b. Thực hiện giảm biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước bảo đảm theo lộ trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh.

c. Thực hiện kế hoạch tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quyết định đã được phê duyệt.

d. Tham mưu thực hiện kịp thời giải quyết chế độ, chính sách nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc ngay đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

e. Mức độ hài lòng của tổ chức, người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu từ 90% trở lên.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

a. Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt vị trí việc làm sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất theo chương trình, kế hoạch của tỉnh bảo đảm theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ về danh mục và khung năng lực của từng vị trí việc làm.

b. Thực hiện, sắp xếp, bố trí cơ cấu công chức, viên chức đúng theo danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt.

c. Kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành cho 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

d. 100% cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo quy định.

e. 100% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện trao đổi hoàn toàn lượng công việc trên môi trường mạng.

g. Hoàn thiện việc cập nhật Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan bảo đảm theo quy định (đáp ứng đủ 109 trường dữ liệu thông tin).

2.5. Cải cách tài chính công

- a. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý ngân sách; xác định trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý ngân sách được giao.
- b. Thực hiện giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo theo quy định.
- c. Triển khai thực hiện hiệu quả định mức chi phí danh mục dịch vụ công thuộc lĩnh vực KH&CN đã được HĐND tỉnh ban hành.
- d. Nâng cao mức độ tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp của Sở đảm bảo theo quy định.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- a. 100% văn bản điện tử của cơ quan nhà nước 02 cấp được gửi, nhận trên môi trường mạng và ký số đầy đủ theo quy định của Nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- b. Trên 90% hồ sơ công việc được tạo lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- c. 100% báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.
- d. Thực hiện chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đối với 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh bảo đảm đồng bộ danh mục TTHC với cổng Dịch vụ công quốc gia.
- e. Đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với 100% TTHC.
- f. Tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.
- g. 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
- h. 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh từ ngày 01/7/2025 được tạo lập, xử lý trên môi trường điện tử.
- i. Duy trì, thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin ngành KH&CN theo quy định. Cổng thông tin điện tử Sở cung cấp đầy đủ 100% thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.
- k. Đẩy nhanh xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh. Xây dựng và trình cấp thẩm quyền phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo quy định.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành

a) Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, thực hiện nghiêm túc Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh; Chỉ thị số 05/CT-CTUBND ngày 16/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cải thiện, nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX) tỉnh Hưng Yên năm 2019 và những năm tiếp theo; các văn bản khác của trung ương, của tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

b) Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai, xây dựng, ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác CCHC; tham mưu lãnh đạo sở ban hành các chủ trương, biện pháp, chương trình cụ thể nhằm đẩy mạnh CCHC; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra việc giải quyết TTHC; chú trọng, đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong triển khai thực hiện CCHC.

c) Rà soát, nghiêm túc thực hiện đúng và trước hạn các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Nâng cao công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các sở, ban, ngành trong thực hiện công tác CCHC của tỉnh và của từng cơ quan, đơn vị. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát công tác CCHC, trong đó tập trung kiểm tra vào việc giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị. Xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức gây phiền hà cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và nhân dân.

2. Cải cách thể chế

a. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế; các văn bản QPPL phải đáp ứng yêu cầu về nội dung, thẩm quyền, thể thức, kỹ thuật trình bày và theo đúng trình tự, thủ tục ban hành theo quy định của pháp luật hiện hành. Quy định rõ trách nhiệm của từng phòng, đơn vị trong việc xây dựng và thực hiện các thể chế được ban hành.

b. Tăng cường triển khai toàn diện về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL của tỉnh để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, cụ thể, khả thi.

c. Tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật; thực hiện điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh hàng năm. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật

d. Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật nói chung và trong lĩnh vực KH&CN nói riêng. Phát huy vai trò giám sát, phản biện và tham gia của tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong quá trình xây dựng, bàn hành, triển khai thực hiện.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a. Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành làm cơ sở tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, ngăn chặn sai phạm trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác về cải cách, kiểm soát TTHC; triển khai thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị định số 118/2025/NĐ-CP.

b. Thường xuyên rà soát, kiện toàn, cử công chức, viên chức tham gia tập huấn nghiệp vụ và bảo đảm chế độ cho hệ thống cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC; công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa và công chức, viên chức tham gia quá trình giải quyết TTHC tại cơ quan; Cử công chức, viên chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng về thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; sử dụng tài khoản VNeID trong thực hiện TTHC; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong giải quyết TTHC; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; quy trình tiếp nhận, trả hồ sơ; kỹ năng giao tiếp với người dân.

c. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động, tham gia ý kiến và thẩm định quy định về TTHC trong dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh, bảo đảm chỉ ban hành TTHC hợp pháp, hợp lý và có chi phí tuân thủ thấp nhất.

d. Bảo đảm công bố, công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời các TTHC theo quy định để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, tìm hiểu, thực hiện và giám sát việc thực hiện TTHC.

e. Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị. Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa các đơn vị trong giải quyết TTHC, nhất là các nhóm TTHC, dịch vụ công liên thông; hạn chế đến mức thấp nhất việc giải quyết hồ sơ TTHC quá thời hạn quy định. Trong trường hợp giải quyết quá hạn, cơ quan, đơn vị phải thực hiện nghiêm túc

trách nhiệm xin lỗi cá nhân, tổ chức và trách nhiệm giải trình với cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định. Theo dõi, công bố, công khai, sử dụng kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ là một căn cứ quan trọng đánh giá kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị.

f. Tập trung nguồn lực đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm.

g. Tiếp tục thống kê để công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ, bảo đảm đúng theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

h. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp về công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC.

i. Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về TTHC. Tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các phòng, đơn vị, công chức viên trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC.

k. Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC nhằm nâng cao đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

l. Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo về công tác kiểm soát TTHC theo quy định.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

a. Tiếp tục rà soát, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với thực hiện tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Tập trung rà soát, sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp. Nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

b. Tập trung triển khai đồng bộ, toàn diện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm. Trọng tâm là thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Quyết định của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với mục tiêu tinh giản biên chế. Xây dựng, phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2025-2030.

c. Triển khai có hiệu quả Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về: hỗ trợ cán bộ, công chức nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc, chuyển công tác giai đoạn 2023-2026.

5. Cải cách công vụ

a. Tiếp tục hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm của các phòng, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở. Rà soát, bố trí, sắp xếp công chức, viên chức làm việc theo đúng vị trí việc làm được có cấp thẩm quyền phê duyệt.

b. Thường xuyên rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và tinh giản biên chế đối với công chức hoặc chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với viên chức không làm ảnh hưởng đến việc bố trí nhân sự thực hiện các nhiệm vụ của vị trí việc làm chuyên môn, chuyên ngành; khi thực hiện tổ chức lại sẽ đồng thời cắt giảm biên chế dôi dư (đối với công chức) hoặc chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (đối với viên chức).

c. Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025. Tập trung bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng hành chính cho cán bộ công chức viên chức.

d. Thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, chế độ phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động theo quy định; khuyến khích và khen thưởng kịp thời, thỏa đáng với tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

e. Cập nhật Cơ sở dữ liệu về cán bộ công chức viên chức của cơ quan bảo đảm theo quy định.

f. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chế độ công vụ, công chức và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên chấn chỉnh việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, đạo đức công vụ, tinh thần thái độ phục vụ người đứng đầu cơ quan, tổ chức, từng cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao chất lượng công tác của đội ngũ công chức, viên chức trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, xử lý nghiêm tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm..

6. Cải cách tài chính công

a. Xác định rõ nhiệm vụ đẩy mạnh phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu cần ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

b. Nâng cao hiệu quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý tài chính đối với cơ quan, đơn vị theo quy định tại các Nghị định: số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ gắn cải cách hành chính công với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy chế chi tiêu nội bộ; Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị sự nghiệp thực hiện xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Thông tư số 56/2022/TT-BTC đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn; xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên... và các văn bản hướng dẫn liên quan.

d. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ cơ quan đảm bảo công khai, minh bạch; thực hiện có hiệu quả công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước để đảm bảo đủ nguồn, đáp ứng yêu cầu thu, chi của Sở.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a. Triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số,... và các quyết định, kế hoạch của Sở đã ban hành bảo đảm đúng tiến độ, đồng bộ, hiệu quả.

b. Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin dùng chung và các ứng dụng chuyên ngành đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn an ninh thông tin phục vụ triển khai nhiệm vụ được giao của Sở.

c. Tiếp tục triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành để bảo đảm thông suốt trong việc thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng, đảm bảo tỷ lệ 100% văn bản được ký số điện tử (trừ văn bản mật). Tăng cường tỷ lệ sử dụng thư điện tử công vụ để thực hiện trao đổi thông tin, giao dịch hành chính điện tử hiệu quả trong nội bộ cơ quan và giữa các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

d. Triển khai, sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trong các cuộc họp của Trung ương, của tỉnh.

e. Tiếp tục cập nhật thông tin, nâng cao chất lượng tin bài về nội dung và hình thức trên Trang thông tin điện tử của Sở; tuân thủ nghiêm các quy định về đảm bảo an toàn thông tin trong ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở.

(Chi tiết nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ tại các Kế hoạch của UBND tỉnh, của Sở đã ban hành: số 184/KH-UBND ngày 07/12/2021 về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; số 192/KH-UBND ngày 17/12/2024 về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2025; số 04/KH-SKHCN ngày 04/01/2022 về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và nội

dung, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các phòng, đơn vị và trách nhiệm của công chức, viên chức, người lao động đối với công tác CCHC. Thực hiện chấm CCHC theo nội dung gắn với chức năng, nhiệm vụ của phòng, đơn vị được giao.

2. Giao Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Ứng dụng khoa học, công nghệ tổ chức tuyên truyền rộng rãi về công tác CCHC; duy trì, kết nối, cập nhật các văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo điều hành liên quan đến công tác CCHC, cải cách TTHC, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của Sở trên Cổng Thông tin điện tử, ... đảm bảo theo quy định.

3. Văn phòng Sở chủ trì, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC ban hành theo kế hoạch này đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ đề ra. Thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về quy trình, kết quả giải quyết TTHC. Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác CCHC gửi UBND tỉnh, Sở Nội vụ theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở báo cáo Lãnh đạo Sở (qua Văn phòng Sở) để xem xét, kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (thay b/c);
- Sở Nội vụ tỉnh (để theo dõi);
- Giám đốc Sở, các PGĐ Sở;
- Chánh Văn phòng Sở;
- Các phòng, đơn vị (để thực hiện);
- Công TTĐT Sở (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP^{TA}.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ký bởi: Sở Khoa học và Công nghệ
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 25/07/2025 22:41:00

Nguyễn Xuân Hải